

Số: 1206/QĐ-UBND

Đồng Tháp, ngày 15 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt danh mục vị trí việc làm và tỷ lệ công chức theo ngạch được bố trí theo vị trí việc làm của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Đồng Tháp

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật cán bộ, công chức ngày 24/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 361/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm công chức;

Căn cứ Nghị định số 170/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

Căn cứ Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Nghị định số 370/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ;

Căn cứ Công văn số 1086/BNV-CCVC ngày 05/02/2026 của Bộ Nội vụ về việc triển khai thực hiện Nghị định số 361/2025/NĐ-CP;

Xét đề nghị của Ban Quản lý Khu kinh tế theo Tờ trình số 03/TTr-BQL ngày 25/02/2026 về việc đề nghị thẩm định, phê duyệt vị trí việc làm của Ban Quản lý Khu kinh tế;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 2270/TTr-SNV ngày 31/3/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh mục vị trí việc làm, tỷ lệ công chức theo ngạch được bố trí theo vị trí việc làm của Ban Quản lý Khu kinh tế, như sau:

1. Danh mục vị trí việc làm: 48 vị trí, trong đó:

a) Vị trí việc làm công chức lãnh đạo, quản lý: 06 vị trí;

b) Vị trí việc làm công chức chuyên môn, nghiệp vụ: 39 vị trí;

c) Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ: 03 vị trí.

(Chi tiết theo Phụ lục I - Danh mục vị trí việc làm kèm theo).

2. Tỷ lệ công chức theo ngạch được bố trí theo vị trí việc làm: theo Phụ lục II *(đính kèm)*.

Điều 2. Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế có trách nhiệm

1. Trên cơ sở biên chế công chức được cấp thẩm quyền giao, danh mục vị trí việc làm và tỷ lệ công chức theo ngạch được bố trí theo vị trí việc làm được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này, quyết định số lượng biên chế bố trí theo từng vị trí việc làm bảo đảm phù hợp với số lượng, khối lượng, mức độ phức tạp của công việc và đáp ứng yêu cầu công tác quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực trong thực tiễn *(riêng đối với bố trí các vị trí lãnh đạo, quản lý được thực hiện quy định có liên quan)*. Theo đó, sắp xếp, bố trí lại công chức theo vị trí việc làm và tỷ lệ công chức theo ngạch được bố trí theo vị trí việc làm được phê duyệt, bảo đảm trong số lượng biên chế được giao.

Trong quá trình thực hiện sắp xếp, bố trí lại công chức theo vị trí việc làm được phê duyệt, phải bảo đảm các cơ quan, đơn vị trực thuộc hoạt động liên tục, thông suốt.

2. Căn cứ theo tình hình thực tế, thường xuyên rà soát các quy định, điều kiện, tiêu chuẩn, yêu cầu của vị trí việc làm và cập nhật, điều chỉnh Bản mô tả công việc phù hợp theo quy định, gửi về Sở Nội vụ để tổng hợp, theo dõi.

3. Trong quá trình triển khai thực hiện, trường hợp cơ quan, đơn vị có sự thay đổi theo các trường hợp quy định tại khoản 1, Điều 6 Nghị định số 361/2025/NĐ-CP thì thực hiện điều chỉnh vị trí việc làm theo quy định.

Điều 3. Giám đốc Sở Nội vụ có trách nhiệm

1. Hướng dẫn, kiểm tra việc chấp hành các quy định về vị trí việc làm, tỷ lệ công chức theo ngạch được bố trí theo vị trí việc làm tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh theo quy định.

2. Tham mưu, hướng dẫn việc xác định đối tượng giữ các chức danh Phó Giám đốc sở và tương đương thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh để làm căn cứ xem xét, quyết định bố trí ngạch chuyên viên cao cấp và tương đương phù hợp đảm bảo theo quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 8 Nghị định số 361/2025/NĐ-CP.

3. Theo dõi, tổng hợp việc thực hiện các quy định về vị trí việc làm, tỷ lệ công chức theo ngạch được bố trí theo vị trí việc làm tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Nội vụ theo quy định.

Điều 4. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với trường hợp đang thực hiện các quy trình có liên quan đến công tác quản lý, sử dụng công chức (điều động, tiếp nhận, bổ nhiệm,...) theo yêu cầu của vị trí việc làm đã được Ủy ban nhân dân Tỉnh phê duyệt trước ngày ban

hành Quyết định này được tiếp tục thực hiện đến khi hoàn thành thì thực hiện theo Quyết định này.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 257/QĐ-UBND ngày 29/3/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phê duyệt Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức, danh mục vị trí việc làm của Ban Quản lý Khu kinh tế; Quyết định số 956/QĐ-UBND ngày 22/4/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức trong cơ quan, tổ chức hành chính thuộc Ban Quản lý các khu công nghiệp.

Điều 6. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. *./.*

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Thường trực Đảng ủy UBND tỉnh;
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- VPUB: CVP, các PCVP;
- Lưu: VT, TH, T.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Văn Dũng

Phụ lục I
Danh mục vị trí việc làm công chức của Ban Quản lý Khu kinh tế
(Kèm theo Quyết định số 1206 /QĐ-UBND ngày 15 / 4 /2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	Tên đơn vị/Vị trí việc làm	Ngạch công chức tương ứng	Ghi chú
A	LÃNH ĐẠO BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ		
1.1	Trưởng ban	Chuyên viên cao cấp	<i>(bố trí phù hợp theo tỷ lệ tại Phụ lục II kèm theo)</i>
1.2	Phó Trưởng ban	Chuyên viên cao cấp/chuyên viên chính	
B	PHÒNG THUỘC BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ		
I	Văn phòng		
1.1	VTVL lãnh đạo, quản lý		
1	Chánh Văn phòng	Chuyên viên chính/chuyên viên	<i>(bố trí phù hợp theo tỷ lệ tại Phụ lục II kèm theo)</i>
2	Phó Chánh Văn phòng		
1.2	VTVL Chuyên môn, nghiệp vụ		
1	Chuyên viên chính về Tổ chức cán bộ	Chuyên viên chính	
2	Chuyên viên về Tổ chức cán bộ	Chuyên viên	
3	Chuyên viên chính về cải cách hành chính	Chuyên viên chính	
4	Chuyên viên về cải cách hành chính	Chuyên viên	
5	Chuyên viên chính về tổng hợp	Chuyên viên chính	
6	Chuyên viên về tổng hợp	Chuyên viên	
7	Chuyên viên về quản lý ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số	Chuyên viên	
8	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	Chuyên viên	
9	Kế toán trưởng (hoặc phụ trách kế toán)	Ngạch phù hợp tương ứng với chức danh	
10	Kế toán viên	Kế toán viên	
11	Văn thư viên	Chuyên viên	

12	Chuyên viên về lưu trữ	Chuyên viên	
13	Chuyên viên về quản trị công sở	Chuyên viên	
14	Chuyên viên về kiểm soát thủ tục hành chính	Chuyên viên	
15	Chuyên viên về thi đua, khen thưởng	Chuyên viên	
16	Chuyên viên về kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật	Chuyên viên	
17	Chuyên viên về tiếp công dân và xử lý đơn	Chuyên viên	
18	Chuyên viên về giải quyết khiếu nại, tố cáo	Chuyên viên	
19	Chuyên viên về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực	Chuyên viên	
20	Chuyên viên về truyền thông	Chuyên viên	
21	Cán sự về Thủ quỹ	Cán sự	
II	Phòng Quản lý Quy hoạch, Đầu tư và Xây dựng		
2.1	VTVL lãnh đạo, quản lý		
1	Trưởng phòng	Chuyên viên chính/chuyên viên	<i>(bố trí phù hợp theo tỷ lệ tại Phụ lục II kèm theo)</i>
2	Phó Trưởng phòng		
2.2	VTVL Chuyên môn, nghiệp vụ		
1	Chuyên viên chính về quản lý quy hoạch	Chuyên viên chính	
2	Chuyên viên về quản lý quy hoạch	Chuyên viên	
3	Chuyên viên chính về quản lý hoạt động đầu tư xây dựng	Chuyên viên chính	
4	Chuyên viên về quản lý hoạt động đầu tư xây dựng	Chuyên viên	
5	Chuyên viên chính về quản lý đất đai	Chuyên viên chính	
6	Chuyên viên về quản lý đất đai	Chuyên viên	
7	Chuyên viên chính về quản lý đầu tư	Chuyên viên chính	
8	Chuyên viên về quản lý đầu tư	Chuyên viên	
9	Chuyên viên về quản lý đầu thầu	Chuyên viên	
III	Phòng Quản lý Doanh nghiệp và Lao động		
2.1	VTVL lãnh đạo, quản lý		

1	Trưởng phòng	Chuyên viên chính/chuyên viên	<i>(bố trí phù hợp theo tỷ lệ tại Phụ lục II kèm theo)</i>
2	Phó Trưởng phòng		
2.2	VTVL Chuyên môn, nghiệp vụ		
1	Chuyên viên chính về quản lý doanh nghiệp	Chuyên viên chính	
2	Chuyên viên về quản lý doanh nghiệp	Chuyên viên	
3	Chuyên viên chính về tiền lương	Chuyên viên chính	
4	Chuyên viên về tiền lương	Chuyên viên	
5	Chuyên viên về an toàn, vệ sinh lao động	Chuyên viên	
6	Chuyên viên chính về môi trường	Chuyên viên chính	
7	Chuyên viên về môi trường	Chuyên viên	
8	Chuyên viên về việc làm	Chuyên viên	
9	Chuyên viên về bảo hiểm xã hội	Chuyên viên	
IV	VTVL Hỗ trợ phục vụ		
1	Nhân viên Phục vụ		
2	Nhân viên Bảo vệ		
3	Nhân viên Lái xe		

Phụ lục II
Tỷ lệ công chức theo ngạch được bố trí theo vị trí việc làm
của Ban Quản lý Khu kinh tế
(Kèm theo Quyết định số 1206/QĐ-UBND ngày 15/4/2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Ngạch công chức tương ứng vị trí việc làm	Chức vụ/Chức danh tương ứng được bố trí	Tỷ lệ	Ghi chú
1	Chuyên viên cao cấp	Trưởng ban	100%	
		Phó Trưởng ban	Không quá 50% tổng số cấp phó của người đứng đầu của toàn bộ các cơ quan chuyên môn tỉnh	<i>Đối tượng chức danh giữ ngạch cụ thể theo quy định của cấp có thẩm quyền, phù hợp theo quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 8 Nghị định số 361/2025/NĐ-CP</i>
2	Chuyên viên chính	<ul style="list-style-type: none"> - Phó Trưởng ban (số lượng Phó Trưởng ban còn lại không giữ ngạch tương ứng là chuyên viên cao cấp); - Cấp trưởng, cấp phó các tổ chức thuộc cơ cấu tổ chức của Ban quản lý Khu kinh tế; - Công chức chuyên môn của Ban quản lý Khu kinh tế được bố trí vào vị trí việc làm chuyên viên chính và tương đương. 	Không quá 50% tổng số biên chế công chức được giao	
3	Chuyên viên và tương đương trở xuống	Công chức chuyên môn của Ban quản lý được bố trí vào vị trí việc làm chuyên viên và tương đương trở xuống	Số lượng công chức còn lại	